

Số: /BC-BTTTT

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

BÁO CÁO**Tình hình thực hiện Chiến lược quốc gia
phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030
theo Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022**

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện nhiệm vụ chủ trì tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (sau đây gọi tắt là Chiến lược) được giao tại Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 (sau đây gọi tắt là Quyết định 411), Bộ Thông tin và Truyền thông tổng hợp các kết quả ghi nhận được tính đến Tháng 6/2023 của các bộ, ngành và địa phương:

- Tổng số 17 mục tiêu phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, trong đó: 02 mục tiêu đã hoàn thành, 02 mục tiêu có khả năng hoàn thành đến 2024, 06 mục tiêu có khả năng hoàn thành đến 2025.

- 07 mục tiêu thách thức, phải tập trung tìm cách làm mới, khả thi thì mới có khả năng hoàn thành.

Chi tiết như sau:

I. Đánh giá tình hình thực hiện các mục tiêu phát triển

TT	Chỉ tiêu	Kết quả 6/2023	Mục tiêu 2025	Đánh giá
1	Phát triển kinh tế số			
1.1	Tỷ trọng kinh tế số trên GDP	14,96% ¹	20%	Có khả năng hoàn thành đến 2025 ^(**)
1.2	Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực		Tối thiểu 10%	Thách thức ^(***)
	Tỷ trọng kinh tế số ngành thông tin và truyền thông	8,98% ²		

¹ Hiện nay, Tổng cục Thống kê đang trong quá trình hoàn thiện phương pháp và tổng hợp kết quả khảo sát. Bộ Thông tin và Truyền thông tạm ước tính theo số liệu doanh thu từ Tổng cục thuế 6 tháng đầu năm 2023 phục vụ công tác quản lý chuyên ngành. Số liệu sẽ được điều chỉnh sau khi Tổng cục thống kê công bố chính thức phương pháp và kết quả tính toán,

² Số liệu do Bộ TTTT tạm ước tính.

TT	Chỉ tiêu	Kết quả 6/2023	Mục tiêu 2025	Đánh giá
1.3	Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ	7,5% ³	Trên 10%	Có khả năng hoàn thành đến 2025 ^(**)
1.4	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử	50%	Trên 80%	Có khả năng hoàn thành đến 2025 ^(**)
1.5	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số	30,07%	Trên 50%	Có khả năng hoàn thành đến 2025 ^(**)
1.6	Tỷ lệ nhân lực lao động kinh tế số trong lực lượng lao động	3,7%	Trên 2%	Hoàn thành
2	Phát triển xã hội số			
2.1	Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh	85% ⁴	80%	Hoàn thành
2.2	Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác	74,63% ⁵	80%	Có khả năng hoàn thành đến 2024 ^(*)
2.3	Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	3% ⁶	50%	Có khả năng hoàn thành đến 2025 ^(**)
2.4	Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản	37,94% ⁷	70%	Có khả năng hoàn thành đến 2025 ^(**)
2.5	Tỷ lệ hộ gia đình được phủ mạng Internet băng rộng cáp quang	76,93%	80%	Có khả năng hoàn thành đến 2024 ^(*)
2.6	Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản	-	Trên 70%	Thách thức ^(***)
2.7	Tỷ lệ dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến	-	Trên 50%	Thách thức ^(***)
2.8	Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng	-	Trên	Thách thức ^(***)

³ Theo Báo cáo của Bộ Công Thương.

⁴ Theo Tổng cục Thống kê cung cấp, số liệu 2021.

⁵ Số liệu do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cung cấp năm 2021.

⁶ Theo báo cáo của NEAC.

⁷ Theo Tổng cục thống kê cung cấp, số liệu 2021, 2022 không điều tra khảo sát.

TT	Chỉ tiêu	Kết quả 6/2023	Mục tiêu 2025	Đánh giá
	dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa		30%	
2.9	Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử	-	90%	Thách thức ^(***)
2.10	Tỷ lệ các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở	-	80%	Thách thức ^(***)
2.11	Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở	-	70%	Thách thức ^(***)

II. Kết quả phát triển nền móng kinh tế số và xã hội số

II.1. Thể chế

Hoàn thiện thể chế, chính sách và môi trường pháp lý được thực hiện xuyên suốt, có mức độ ưu tiên cao nhất, được lồng ghép trong tất cả các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế số và xã hội số.

Các kết quả trọng tâm bước đầu đã đạt được bao gồm:

- Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng, trình Quốc hội ban hành Luật Giao dịch điện tử sửa đổi; hiện đang tiếp tục gấp rút xây dựng các văn bản hướng dẫn Luật.

- Đến tháng 6/2023, đã có 03/30 bộ, ngành, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, 36/63 địa phương đã ban hành kế hoạch hành động triển khai Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; 29/63 địa phương ban hành Kế hoạch hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ sở y tế và các mô hình thí điểm thanh toán số, y tế; 31/63 địa phương đã ban hành kế hoạch hành động thúc đẩy doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số.

- Hiện đã công bố khoảng 140 TCVN, 12 QCVN phục vụ kinh tế số và xã hội số, trong đó có 08 QCVN về chất lượng dịch vụ số.

II.2. Hạ tầng

Thúc đẩy phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, gồm hạ tầng số và hạ tầng thiết

yếu phục vụ kinh tế số và xã hội số. Kết quả đột phá là nhanh chóng phổ cập điện thoại thông minh tới mỗi người dân, phổ cập Internet cáp quang băng rộng tốc độ cao tới mỗi hộ gia đình, phổ cập dịch vụ điện toán đám mây tới mỗi doanh nghiệp.

Các kết quả trọng tâm bước đầu đã đạt được bao gồm:

- Tỷ lệ thuê bao điện thoại di động sử dụng điện thoại thông minh đạt 79,2%.
- Tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng đạt 76,93%.
- Tốc độ truy cập mạng băng rộng cố định: 90,59/89,56 (Mbps).
- Tốc độ truy cập mạng băng rộng di động: 36,16/15,64 (Mbps).
- Kết quả phủ sóng đối với các thôn lốm sóng: Đã hoàn thành phủ sóng cho 2.164/2.418 thôn lốm sóng giai đoạn 2021-2022; các thôn bản còn lại chưa có sóng chủ yếu là các thôn bản chưa có điện, dân cư thưa hoặc địa hình núi cao chưa có giao thông đi lại.

II.3. Nền tảng số

Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Quyết định số 186/QĐ-BTTTT ngày 11/02/2022 phê duyệt Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng 35 nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số và được định kỳ cập nhật, công bố hàng năm. Tính đến thời điểm hiện tại, đã có 01 Nền tảng truyền hình số VTV Go được công nhận là nền tảng số quốc gia.

II.4. Dữ liệu số

Xây dựng dữ liệu và khả năng sẵn sàng kết nối, chia sẻ dữ liệu tạo nên huyết mạch quan trọng của kinh tế số và xã hội số. Theo thống kê sơ bộ,

- 07 CSDL quốc gia (dân cư; đăng ký doanh nghiệp; bảo hiểm; hộ tịch điện tử toàn quốc; đất đai quốc gia; tài chính; cán bộ, công chức, viên chức) đã được ưu tiên triển khai, kết nối, chia sẻ phục vụ triển khai các dịch vụ cơ bản, thiết yếu cho người dân và doanh nghiệp.

- Về kết nối, chia sẻ dữ liệu qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP): NDXP đã kết nối với hệ thống của 98 cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp; 09 CSDL và 14 hệ thống thông tin cung cấp dịch vụ chia sẻ dữ liệu. Tổng số giao dịch thực hiện thông qua NDXP tính đến hết ngày 21/6/2023, đạt 272.262.565 giao dịch (265.179.662 giao dịch thành công⁸, 7.082.903 giao dịch thất bại⁹); trung bình hằng ngày có khoảng 1,45 triệu giao dịch thực hiện thông qua nền tảng. Tổng số giao dịch thực hiện thông qua NDXP từ khi đưa vào sử dụng đến 2022 là hơn 1,231 tỷ giao dịch.

- Bộ Thông tin và Truyền thông hiện đang xây dựng, trình Thủ tướng Chính

⁸ 01 giao dịch thành công ứng với 01 lượt truy vấn của bên sử dụng dịch vụ chia sẻ dữ liệu và nhận lại được dữ liệu từ bên cung cấp dịch vụ chia sẻ dữ liệu.

⁹ 01 giao dịch thất bại ứng với 01 lượt truy vấn của bên sử dụng dịch vụ chia sẻ dữ liệu và không nhận lại được dữ liệu từ bên cung cấp dịch vụ chia sẻ dữ liệu do các lỗi như: hệ thống cung cấp dịch vụ bị lỗi, đường truyền bị lỗi, lỗi về xác thực, quyền khai thác dịch vụ, lỗi về định dạng dữ liệu của bên khai thác dịch vụ...

phủ phê duyệt Chiến lược dữ liệu quốc gia.

- Bộ Tài chính đã ban hành 08 Thông tư quy định về phí liên quan đến cơ sở dữ liệu của Nhà nước theo quy định tại Luật Phí và lệ phí.

II.5. An toàn thông tin mạng và an ninh mạng

Phát triển năng lực quản lý các nền tảng số, xây dựng môi trường số an toàn, lành mạnh, tạo niềm tin để mạnh mẽ thực hiện chuyển đổi từ môi trường thực lên môi trường số. Kết quả đột phá là phổ cập dịch vụ an toàn thông tin mạng ở mức cơ bản tới người dân và doanh nghiệp. Theo đó:

- Tỷ lệ thuê bao điện thoại di động thông minh có sử dụng phần mềm an toàn thông tin mạng cơ bản đạt 5,37%.

- Tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng có sử dụng giải pháp an toàn thông tin mạng cơ bản đạt 2,3%.

- Bộ Thông tin và Truyền thông tham mưu, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022 phê duyệt Chiến lược an toàn, an ninh mạng quốc gia, chủ động an toàn, an ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thử thách từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030.

- Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương triển khai yêu cầu đảm bảo an toàn thông tin mạng mặc định từ khâu thiết kế, xây dựng khi phát triển các hạ tầng số, nền tảng số; cung cấp dịch vụ số được bảo đảm sẵn về an toàn thông tin mạng ở mức cơ bản tại các văn bản số 166/CATTT-ATHTTT ngày 10/2/2022, 797/BTTTT-THH ngày 06/3/2022; ban hành Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12/8/2022 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ, trong đó tại khoản 6 Điều 9 quy định ‘Hệ thống thông tin khi được đầu tư xây dựng mới hoặc mở rộng, nâng cấp phải triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin đã được phê duyệt tại Hồ sơ đề xuất cấp độ và đáp ứng các yêu cầu an toàn tại Điều 9 và Điều 10 Thông tư này trước khi đưa vào vận hành, khai thác’.

- Bộ Thông tin và Truyền thông phối hợp với các hiệp hội, doanh nghiệp phát triển hệ sinh thái sản phẩm an toàn thông tin mạng Việt Nam, đến 2022, tỷ lệ các chủng loại sản phẩm thuộc hệ sinh thái sản phẩm an toàn thông tin mạng đã đạt 95%, đáp ứng yêu cầu bảo đảm an toàn thông tin cho hệ thống thông tin của cơ quan, tổ chức, giải quyết được bài toán phụ thuộc công nghệ, sản phẩm nước ngoài; đánh giá, lựa chọn và trao danh hiệu Chìa khóa vàng cho 26 sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin tiêu biểu và 12 lượt doanh nghiệp an toàn thông tin xuất sắc của 13 doanh nghiệp an toàn thông tin trong nước; đánh giá cho 3 sản phẩm thuộc nền tảng chuyển đổi số nhằm đưa ra khuyến nghị cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nhà nước trong quá trình sử dụng.

- Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện thúc đẩy một số nền tảng an toàn thông tin mạng, trong đó, 3 nền tảng chủ đạo gồm Nền tảng Viettel Threat Intelligence, Nền tảng quản lý an toàn thông tin VNPT (VNPT MSS) và Nền tảng bảo mật cộng đồng WhiteHub.

- Bộ Thông tin và Truyền thông triển khai và cung cấp hệ sinh thái tín nhiệm mạng tại địa chỉ <https://tinnhiemmang.vn>; năm 2022 đã cấp được 3.211 nhãn (gồm 2.997 website.vn).

- Bộ Thông tin và Truyền thông đã xây dựng Website giả lập Công Dịch vụ công thực hiện ký số từ xa lên tập tin PDF; kết nối thành công tới 05 CA: MisaCA, VNPT-CA, Viettel-CA, BkavCA và FPT-CA và tích hợp thành công lên Công Dịch vụ công của 03 địa phương Thái Nguyên, Hồ Chí Minh và Đà Nẵng; đang tiếp tục tích hợp với Kho bạc Nhà nước, Yên Bái và Đắk Lắk.

- Bộ Công an tham mưu Chính phủ ban hành Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 quy định về định danh và xác thực điện tử. Hiện đang xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan đến Nền tảng định danh người dân và xác thực điện tử, triển khai kết nối khối các CQNN với nền tảng định danh và xác thực điện tử và mở rộng phương thức kết nối, cung cấp thông tin dành cho người dân.

II.6. Nhân lực số

Phát triển nhân lực số theo hướng tập trung phát triển nhân lực công nghệ số đáp ứng kỹ năng mới liên quan đến điện toán đám mây, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, kiến trúc hệ thống, kỹ nghệ phần mềm, thiết kế giao diện và trải nghiệm người dùng, an toàn thông tin mạng.

Kết quả đột phá là các trường đại học số, người học có thể học và thi trực tuyến, có thể sử dụng học liệu số được cá nhân hóa, có thể được hỗ trợ học tập bởi trí tuệ nhân tạo.

Một số kết quả trọng tâm bước đầu đã đạt được trong năm 2022 bao gồm:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành quy chế cho phép các cơ sở đào tạo được phép tổ chức đào tạo trực tuyến tối đa 30% thời lượng của chương trình đào tạo tại các Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT, 18/2021/TT-BGDĐT, 23/2021/TT-BGDĐT, 38/2020/TT-BGDĐT.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo đang xây dựng Đề án Mô hình giáo dục đại học số theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại phiên họp Ủy ban Chuyên đổi số quốc gia lần thứ 3.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo đã chủ trì, phối hợp với UNICEF xây dựng tài liệu tập huấn giáo viên cấp tiểu học về giáo dục STEM; ban hành Kế hoạch số 526/KH-BGDĐT ngày 17/5/2022 về việc triển khai giáo dục STEM cấp tiểu học; tổ chức tập huấn cho 15 tỉnh/thành phố và chỉ đạo triển khai thực hiện tại địa

phương; đồng thời ban hành văn bản hướng dẫn triển khai giáo dục STEM cấp tiểu học thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

II.7. Kỹ năng số, công dân số và văn hóa số

Phát triển kỹ năng số, công dân số, văn hóa số theo hướng phổ cập kỹ thuật số toàn diện để hình thành nên một xã hội số công bằng và bao trùm, khơi dậy tiềm năng, sự tự hào Việt Nam và niềm tin của người dân trên không gian số.

Kết quả đột phá của phổ cập kỹ năng số, văn hóa số toàn dân là phổ biến kỹ năng số, văn hóa số bằng chính việc sử dụng các nền tảng số quốc gia và thực hiện đào tạo, tập huấn kỹ năng số, văn hóa số thông qua nền tảng số.

Một số kết quả trọng tâm bước đầu đã đạt được trong năm 2022 bao gồm:

- Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng nền tảng khảo sát, thu thập ý kiến người dân, đưa vào vận hành Nền tảng học trực tuyến mở đại trà (MOOC) từ tháng 4/2022 tại địa chỉ: <https://onetouch.mic.gov.vn/>.

- Trên cả nước đã có trên 44 bệnh viện được công nhận triển khai thành công bệnh án điện tử thay thế bệnh án giấy, đạt tỷ lệ 3,2%. Ngoài ra, có 19,4% cơ sở khám, chữa bệnh có phần mềm quản lý được ghi chép hồ sơ bệnh án kết hợp in hồ sơ bệnh án giấy.

- Theo số liệu báo cáo của các Sở Y tế các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương và 33 Bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế và thuộc các trường Đại học Y, Dược, thì tỷ lệ triển khai thanh toán chi phí dịch vụ y tế không dùng tiền mặt tại các cơ sở khám, chữa bệnh như sau: 87,9% (29/33) các bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế và thuộc các trường Đại học Y, Dược đã triển khai thanh toán không dùng tiền mặt; 63,8% địa phương (Sở Y tế) có số cơ sở khám chữa bệnh đã triển khai thanh toán không dùng tiền mặt đạt tỷ lệ từ 50% trở lên, trong đó có 12 Sở Y tế đạt tỷ lệ 100% các cơ sở khám, chữa bệnh đã triển khai thanh toán không sử dụng tiền mặt.

2.8. Doanh nghiệp số

Phát triển các doanh nghiệp số, gồm doanh nghiệp công nghệ số và chuyển đổi các doanh nghiệp truyền thống thành doanh nghiệp số. Kết quả đột phá là đẩy mạnh, đẩy nhanh chuyển đổi số doanh nghiệp dựa trên các nền tảng số, tạo hệ sinh thái doanh nghiệp số trong các ngành lĩnh vực.

Một số kết quả trọng tâm bước đầu đã đạt được bao gồm:

- Bộ Thông tin và Truyền thông đã xây dựng dự thảo Chiến lược phát triển công nghiệp công nghệ số Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

- Bộ Thông tin và Truyền thông đẩy mạnh triển khai Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số SMEdx xây dựng và vận hành cổng thông tin Chương trình tại địa chỉ smedx.gov.vn; đánh giá, lựa chọn, công bố 17 nền tảng số xuất sắc cho chuyển đổi số doanh nghiệp; phân nhóm các doanh nghiệp theo ngành nghề, lĩnh vực và quy mô; xây dựng các tài liệu đào tạo, hướng dẫn

chuyển đổi số; triển khai các khóa đào tạo, tập huấn về kỹ năng số, chuyển đổi số cho doanh nghiệp; triển khai các chiến dịch truyền thông cho Chương trình.

- Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng và tổ chức triển khai Chương trình thúc đẩy chuyển đổi số các doanh nghiệp lớn và các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước.

- Bộ Thông tin và Truyền thông đã xây dựng và triển khai Đề án xác định chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp phục vụ cho các doanh nghiệp trên cả nước theo Quyết định số 1970/QĐ-BTTTT. Xây dựng và vận hành Cổng thông tin chỉ số chuyển đổi số doanh nghiệp tại địa chỉ dbi.gov.vn.

- Bộ Thông tin và Truyền thông đang xây dựng và triển khai Chương trình phát triển mạng lưới chuyên gia, tổ chức tư vấn kinh tế số và chuyển đổi số doanh nghiệp với mục tiêu có tối thiểu 1000 chuyên gia và 500 đơn vị tư vấn được Bộ Thông tin và Truyền thông chứng nhận và thường xuyên được đào tạo, bồi dưỡng cập nhật kiến thức, kỹ năng và được tham gia các hoạt động chung nhằm duy trì và phát triển mạng lưới.

- Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành Quyết định số 1034/QĐ-BTTTT ngày 21/7/2021 phê duyệt Kế hoạch hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn. Kết quả, hỗ trợ hộ sản xuất nông nghiệp đưa 209.780 sản phẩm lên sàn thương mại điện tử.

- Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp bưu chính, chuyển phát và logistic chuyển đổi số được phê duyệt tại Quyết định số 1242/QĐ-BTTTT ngày 28/6/2022. Bộ Thông tin và Truyền thông triển khai xây dựng giải pháp trong báo cáo chia sẻ hạ tầng bưu chính giữa các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính. Năm 2022 đã phối hợp được 12 đơn vị Doanh nghiệp Bưu chính cung cấp giải pháp "chuyển đổi số" cho các doanh nghiệp, kết quả có hơn 80 doanh nghiệp tham gia nền tảng chuyển đổi số.

- Kế hoạch hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn năm 2022 được phê duyệt theo Quyết định số 350/QĐ-BTTTT ngày 24/02/2022.

II.9. Thanh toán số

Phát triển thanh toán số theo hướng phổ cập tài chính toàn diện, thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt.

Một số kết quả trọng tâm bước đầu đã đạt được trong năm 2022 bao gồm:

- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị định về cơ chế thử nghiệm có kiểm soát hoạt động công nghệ tài chính trong lĩnh vực ngân hàng.

- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã rà soát, sửa đổi quy định, chính sách

về tài chính, phí, lệ phí theo hướng loại bỏ các rào cản thanh toán không sử dụng tiền mặt, từ đó, khuyến khích người dân thực hiện các giao dịch không sử dụng tiền mặt.

- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã tổ chức triển khai hiệu quả Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 được phê duyệt tại Quyết định số 149/QĐ-TTg ngày 22 tháng 01 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ.

- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tổ chức triển khai hiệu quả Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025 tại Quyết định 1813/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện đổi mới công nghệ và nghiệp vụ hệ thống thanh toán liên ngân hàng theo thông lệ quốc tế; nâng cấp phát triển hệ thống thanh toán bù trừ điện tử, đáp ứng yêu cầu về số lượng giao dịch, đặc biệt là các giao dịch thanh toán vi mô, giá trị nhỏ dự kiến bùng nổ trong nền kinh tế số.

- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã và đang phối hợp với các bộ, ngành liên quan để triển khai nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách về tiền kỹ thuật số dựa trên công nghệ chuỗi khối (blockchain) theo nhiệm vụ của Thủ tướng Chính phủ giao (tối mật).

- Bộ Tài chính đã hoàn thành việc triển khai hóa đơn điện tử trên toàn quốc; 100% doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thuộc trường hợp sử dụng hóa đơn áp dụng quy định về hoá đơn điện tử.

III. Kết quả phát triển kinh tế số và xã hội số các ngành, lĩnh vực

Phát triển kinh tế số và xã hội số toàn diện trong tất cả các ngành, lĩnh vực và tập trung phát triển một số ngành, lĩnh vực trọng điểm, kết quả ghi nhận được kết quả trong năm 2022 cụ thể của một số ngành, lĩnh vực như sau:

III.1. Y tế

Phát triển kinh tế số và xã hội số theo hướng y tế số gắn kết thông suốt mạng lưới cơ sở khám, chữa bệnh từ trung ương tới cấp xã và với người dân.

Một số kết quả trọng tâm bước đầu đã đạt được trong năm 2022 bao gồm:

- Bộ Y tế ban hành 02 Thông tư, 06 Quyết định và 01 Kế hoạch quy định, chính sách cung cấp dịch vụ tư vấn khám, chữa bệnh từ xa; sử dụng hồ sơ bệnh án điện tử; đơn thuốc điện tử; thanh toán không dùng tiền mặt trong y tế cho phù hợp phát triển kinh tế số, xã hội số trong y tế.

- Bộ Y tế đã ban hành Kế hoạch và mục tiêu hành động cụ thể hàng năm và cho cả giai đoạn đến năm 2025, trong đó, 100% các cơ sở y tế có bộ phận khám chữa bệnh từ xa giúp người dân tiếp cận được dịch vụ khám chữa bệnh có chất lượng hơn, giảm tải cho các cơ sở y tế tuyến trên. Cung cấp dịch vụ hỗ trợ, tư vấn

sức khỏe từ xa cho người dân qua ứng dụng di động và các phương tiện công nghệ khác; quản lý được chất lượng các ca tư vấn khám chữa bệnh từ xa và đảm bảo an toàn thông tin bảo vệ dữ liệu cá nhân của người dân; đảm bảo quyền lợi của người dân trong hoạt động tư vấn khám chữa bệnh từ xa. Tích hợp công nghệ số vào dịch vụ theo dõi chăm sóc sức khỏe tại gia đình; theo dõi hàng ngày các chỉ số đo mà không cần thường xuyên đến phòng khám của bác sĩ, không phải đến bệnh viện, không phải xếp hàng, chờ đợi để được khám chữa bệnh; tư vấn sức khỏe 24/7.

- Ngày 08/8/2021, Bộ Y tế và Bộ Thông tin và Truyền thông đã công bố Nền tảng khám chữa bệnh từ xa (Telehealth) kết nối các cơ sở y tế từ tuyến huyện đến tuyến Trung ương.

- Trên cả nước đã có 41 bệnh viện được công nhận triển khai thành công bệnh án điện tử; 87,9% (29/33) các bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế và thuộc các trường Đại học Y, Dược, 63,8% địa phương (Sở Y tế) có cơ sở khám chữa bệnh đã triển khai thanh toán không dùng tiền mặt đạt tỷ lệ từ 50% trở lên, trong đó có 12 Sở Y tế đạt tỷ lệ 100% các cơ sở khám, chữa bệnh đã triển khai thanh toán không dùng tiền mặt.

- Ngày 24/3/2017, Bộ Y tế tổ chức khai trương và đưa vào vận hành Hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng mở rộng quốc gia.

- Bộ Y tế đã triển khai thí điểm nền tảng quản lý thông tin y tế cơ sở V20 tại 6 địa phương: Vĩnh Phúc, Hải Phòng, Cà Mau, Nghệ An, Ninh Bình, An Giang.

- Hiện đang triển khai Nền tảng Hồ sơ sức khỏe điện tử, Nền tảng hỗ trợ tư vấn sức khỏe trực tuyến.

- 01 cơ sở đào tạo triển khai đào tạo chuyên ngành về chuyển đổi số y tế.

III.2. Giáo dục và Đào tạo

Phát triển kinh tế số và xã hội số theo hướng cơ sở giáo dục và đào tạo tiên phong triển khai áp dụng công nghệ số, tạo môi trường hình thành thể hệ công dân số và doanh nhân số cho tương lai.

Một số kết quả trọng tâm bước đầu đã đạt được trong năm 2022 bao gồm:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành kế hoạch Kế hoạch tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025 kèm theo Quyết định số 1282/QĐ-BGDĐT ngày 10/05/2022, trong đó phân công chi tiết triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 411/QĐ-TTg.

- Hệ thống dữ liệu quản lý thi tốt nghiệp trung học phổ thông, triển khai nhập liệu và quản lý trực tuyến đồng bộ từ Bộ Giáo dục Đào tạo, Sở Giáo dục Đào tạo đến tất cả các trường và tới thí sinh trong tất cả các khâu từ đăng ký dự thi đến thông báo điểm.

III.3. Thương mại

Phát triển kinh tế số và xã hội số trong thương mại theo hướng tinh gọn và tăng hiệu quả của chuỗi cung ứng, góp phần hiện đại hóa chu trình kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, đẩy mạnh phát triển thị trường trong nước và xuất khẩu.

Thương mại điện tử đang dần trở thành một hình thái kinh doanh phổ cập của doanh nghiệp và có sức lan tỏa mạnh mẽ trong cộng đồng người tiêu dùng Việt Nam. Năm 2021, theo điều tra, khảo sát của Bộ Công Thương, doanh thu TMĐT bán lẻ tại Việt Nam tăng trưởng 16% so với năm 2020, đạt 13,7 tỷ USD, chiếm 7% doanh thu bán lẻ hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng cả nước. Số lượng người tiêu dùng tham gia mua sắm trực tuyến là trên 54,6 triệu người, giá trị mua sắm trực tuyến của một người đạt gần 270 USD/năm. Theo đánh giá của Google và Temasek tại báo cáo mới nhất mới công bố “Kinh tế Internet Đông Nam Á năm 2022”, trong khu vực Đông Nam Á, Việt Nam tiếp tục là quốc gia có quy mô nền kinh tế Internet (bao gồm các lĩnh vực: bán lẻ trực tuyến, vận tải và thực phẩm, du lịch trực tuyến và nội dung nghe nhìn trực tuyến) đứng thứ 3 trong khu vực (sau Indonesia, Thái Lan), đạt 49 tỷ USD năm 2022. Báo cáo trên cũng đưa ra dự báo trong giai đoạn 2022 – 2025, kinh tế Internet Việt Nam sẽ có tốc độ tăng trưởng dẫn đầu khu vực đạt khoảng 31%/năm, quy mô ước đạt 49 tỷ USD vào năm 2025.

Một số kết quả trọng tâm đã đạt được trong năm 2022 bao gồm:

- Tổ chức triển khai Kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử quốc gia giai đoạn 2022 - 2025 đã được ban hành tại Quyết định số 645/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ;

- Triển khai Trục phát triển hợp đồng điện tử Việt Nam (www.cec.gov.vn). Bộ Công Thương đã có 5 đơn vị được cấp phép cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử kết nối với Trục phát triển hợp đồng điện tử Việt Nam (BKAV, FPT, Viettel, Mobiphone, CMC). Phối hợp với Bộ Công an ứng dụng thẻ căn cước công dân gắn chip điện tử để định danh - xác thực điện tử trong ký kết Hợp đồng điện tử phục vụ thương mại điện tử.

- Triển khai chương trình hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng thương mại điện tử Go Online (www.goonline.gov.vn). Năm 2022, Chương trình đã có 20 doanh nghiệp với gần 50 giải pháp hỗ trợ chuyển đổi số và thương mại điện tử tham gia; đã hỗ trợ trung bình trên 50.000 đơn hàng sử dụng các giải pháp chuyển phát thông minh mỗi tháng tới các doanh nghiệp, người bán hàng trên môi trường trực tuyến; bước đầu đã thành công giúp 5 doanh nghiệp đưa sản phẩm lên sàn thương mại điện tử Amazon tại Mỹ. Trung bình mỗi tháng giúp nhóm doanh nghiệp này tiêu thụ hơn 500 đơn hàng trên Amazon.

- Triển khai các chương trình kết nối thương mại điện tử nổi bật tại Hưng Yên, Bắc Giang, Hải Dương, Quảng Ninh, Hà Tĩnh, Thái Bình, Cần Thơ và khu vực Đồng bằng sông Cửu Long với sự tham gia của các Sàn thương mại điện tử lớn như Sendo, Voso, Postmart, Shopee, Tiki, Lazada cũng như các đối tác chuyển phát như VNPost, Viettel Post... đã hỗ trợ hàng nghìn lượt doanh nghiệp tiếp cận phương thức phân phối hàng hoá trên thương mại điện tử. Các mặt hàng nông sản tiêu biểu như vải thiều, nhãn lồng, bưởi, na, dứa, bơ cùng các mặt hàng thực phẩm đặc sản như nước mắm sá sùng, mật ong, cà phê... được đẩy mạnh tiêu thụ trên các sàn giao dịch TMĐT.

- Phối hợp với các sàn giao dịch thương mại điện tử xây dựng chuyên trang tiêu thụ nông sản, thực phẩm như Sendo Farm, Tiki Ngon... thúc đẩy tiêu thụ các sản phẩm nông sản thực phẩm địa phương hiện đang triển khai tích cực. Có thể nói phương thức phân phối và mua sắm, tiêu thụ nông sản thực phẩm qua thương mại điện tử từng bước trở thành thói quen người tiêu dùng, từ đó hỗ trợ việc tiêu thụ nông sản, đặc sản địa phương qua thương mại điện tử.

- Triển khai nền tảng hỗ trợ giao dịch tích hợp thanh toán điện tử KeyPay kết nối, hỗ trợ dịch vụ hành chính công trực tuyến mức độ 4 cho Bộ Công Thương và 09 Bộ, ngành, 03 tỉnh/thành phố với trên 32 đơn vị, cơ quan quản lý nhà nước. Năm 2022, KeyPay đã trở thành giải pháp chính thức cung cấp dịch vụ thanh toán trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Triển khai Chương trình Một thẻ quốc gia - Thẻ Việt đến các nhóm đối tượng thuộc lĩnh vực y tế, thương mại, du lịch. Chương trình đã tiếp tục mở rộng phát hành thẻ cho 40 đơn vị, điểm mở thẻ với tổng số thẻ phát hành lên đến gần 350.000 thẻ. Tháng 11 năm 2022, Bộ Công Thương phối hợp với Tổng cục Du lịch triển khai hệ thống vé điện tử tích hợp thẻ Việt và hóa đơn điện tử cho Văn Miếu Quốc Tử Giám Hà Nội.

III.4. Du lịch

Phát triển kinh tế số và xã hội số theo hướng cung cấp đầy đủ thông tin và trải nghiệm trực tuyến cho khách du lịch trước khi thực hiện chuyến đi và trong khi thực hiện chuyến đi theo thời gian thực.

Một số kết quả trọng tâm bước đầu đã đạt được trong năm 2022 bao gồm:

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch triển khai Nền tảng quản trị và kinh doanh du lịch dành cho khách du lịch, các cơ quan quản lý du lịch, các doanh nghiệp du lịch, hướng dẫn viên. Kết quả, Tổng cục du lịch đã triển khai ở 27 tỉnh, thành phố: Hà Nội, Hải Phòng, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Ninh Bình, Cần Thơ, Đắk Nông, Gia Lai, Ninh Thuận, Nghệ An, Hà Giang, Kon Tum, Quảng Bình, Hòa Bình, Nam Định, Tây Ninh, Thái Bình, Phú Yên, Tp. Hồ Chí Minh, Bình Thuận, Phú Thọ, Yên Bái, Kiên Giang, Quảng Ninh, Sơn La, Điện Biên, Thanh

Hóa.

- Ứng dụng Du lịch Việt Nam - Vietnam Travel có hơn 33.000 lượt tải.
- Ứng dụng Quản trị và kinh doanh du lịch có hơn 4.200 lượt tải (trên cả 2 kho ứng dụng google play và appstore).
- Số lượng khách sạn, nhà nghỉ đã sử dụng nền tảng: 21.649.
- Số lượng hướng dẫn viên đăng ký và sử dụng trên nền tảng: 38.426.
- Tổng số lượng khách du lịch sử dụng: 22.525.
- Khách du lịch nước ngoài: 714.
- Khách du lịch trong nước: 21.811.

III.5. Các ngành, lĩnh vực khác

Chiến lược 411 được ban hành ngày 31/3/2022, các bộ, ngành, lĩnh vực đã bước đầu bắt tay vào xây dựng kế hoạch triển khai. Trong thời gian tới, Bộ Thông tin và Truyền thông sẽ tiếp tục phối hợp, cũng như đôn đốc các ngành, lĩnh vực cùng đồng hành, triển khai thực hiện, đảm bảo thực hiện các mục tiêu do Chiến lược đề ra.

IV. Kết quả triển khai các giải pháp

IV.1. Tổ chức, bộ máy

- Tổ chức hiệu quả hoạt động của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số do Thủ tướng Chính phủ làm Chủ tịch, Bộ Thông tin và Truyền thông là cơ quan thường trực, thống nhất điều phối quốc gia một cách đồng bộ về phát triển chính phủ số, kinh tế số và xã hội số. Kiện toàn và tổ chức hiệu quả hoạt động Ban chỉ đạo chuyển đổi số của các bộ, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương do người đứng đầu làm Trưởng ban, cơ quan thường trực là đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin/chuyển đổi số (đối với bộ, cơ quan trung ương) hoặc Sở Thông tin và Truyền thông (đối với địa phương).

- Ngày 05/3/2022, Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành Văn bản số 793/BTTTT-THH gửi UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hướng dẫn thí điểm triển khai Tổ công nghệ số cộng đồng tại các địa phương. Năm 2022, 63/63 địa phương đã triển khai tổng cộng 71.836 Tổ công nghệ số cộng đồng với 334.986 thành viên tham gia. Các thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng được tập huấn, hướng dẫn về kỹ năng số thông qua Nền tảng học trực tuyến mở đại của Bộ Thông tin và Truyền thông (tại địa chỉ <https://onetouch.mic.gov.vn>) để tiếp tục hướng dẫn cho người dân tại địa bàn.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ của Bộ Thông tin và Truyền thông tại Nghị định số 48/2022/NĐ-CP và các bộ, ngành, địa phương phù hợp với nội hàm quản lý, thúc đẩy chuyển đổi số, chính phủ số, kinh tế số, xã hội số tại Việt Nam, bảo đảm đồng bộ, nhất quán và hiệu quả, phát huy vai trò của các bên

trong phát triển kinh tế số và xã hội số.

- Tổ chức, phân công các đơn vị là đầu mối chủ trì, chịu trách nhiệm triển khai, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông trong thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

IV.2. Hợp tác trong nước

Bộ Thông tin và Truyền thông đã tổ chức 57 đoàn công tác do Lãnh đạo Bộ chủ trì làm việc với các bộ, ngành, địa phương về chuyển đổi số. Trong đó, 32 đoàn công tác làm việc với các bộ, ngành tại Hà Nội và 25 đoàn công tác làm việc với các địa phương. Bên cạnh đó, các hoạt động đẩy mạnh hợp tác giữa Bộ Thông tin và Truyền thông và từng bộ, ngành liên quan phát triển kinh tế số, xã hội số; hợp tác giữa cơ quan nhà nước và doanh nghiệp nền tảng số trong việc nghiên cứu, phát triển các nền tảng số xuất sắc, chất lượng cao; hợp tác giữa cơ quan nhà nước và doanh nghiệp nền tảng số trong việc tuyên truyền, phổ biến, tập huấn kỹ năng số cho người dân thông qua việc sử dụng nền tảng số cũng được đẩy mạnh.

IV.3. Hợp tác quốc tế

- Để tăng cường hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài trong việc thu hút nguồn lực, tri thức, chuyển giao công nghệ số vào Việt Nam, Bộ Khoa học và Công nghệ đã đẩy mạnh hoạt động hợp tác giữa các tổ chức nghiên cứu khoa học và công nghệ trong nước với các đối tác nước ngoài nhằm tăng cường thu hút nguồn lực khoa học và công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam thông qua các chương trình, dự án hợp tác khoa học và công nghệ, trong đó gồm các hoạt động nổi bật như:

+ Ký kết thành công Biên bản ghi nhớ về hợp tác thúc đẩy đổi mới sáng tạo giữa Cục Ứng dụng công nghệ với Bpifrance; Nghiên cứu, thống nhất các nội dung hợp với Cơ quan hỗ trợ doanh nghiệp Singapore (Enterpriserise Singapore) và Viện Phát triển công nghệ Hàn Quốc (KIAT) để tiến tới ký kết Biên bản hợp tác về chương trình hỗ trợ doanh nghiệp hai nước liên kết thúc đẩy đổi mới sáng tạo dựa trên nghiên cứu chung hoặc tiếp nhận chuyển giao công nghệ; Nghiên cứu các nội dung hợp tác tiềm năng với Tổ chức Khoa học và chuyên gia Việt Nam toàn cầu (AVSE Global) trong việc thúc đẩy kết nối các chuyên gia, nhà khoa học Việt Nam và quốc tế để hỗ trợ và tư vấn công nghệ cho doanh nghiệp Việt Nam.

+ Trình Chính phủ ban hành Quyết định số 138/QĐ-TTg ngày 26/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 1851/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Thúc đẩy chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”. Trong đó công nghệ số là một trong những lĩnh vực được ưu tiên chuyển giao, phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam.

+ Việc thúc đẩy hợp tác trong lĩnh vực khoa học công nghệ nói riêng và hợp tác song phương nói chung là lợi ích, nhu cầu chung của ta với các nước đối tác, nhất là trong giai đoạn phục hồi sau đại dịch Covid. Các đối tác là các nước lớn có thế mạnh về phát triển công nghệ, nhất là các ngành công nghệ mũi nhọn, công nghệ tiên phong trong Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Việt Nam là thị trường có sự hấp dẫn lớn đối với các nhà đầu tư nước ngoài, đây là yếu tố quan trọng để các doanh nghiệp nước ngoài xem xét chuyển giao công nghệ cho ta. Bên cạnh đó, ta và các đối tác có nhiều các cơ chế hợp tác song phương giúp kịp thời trao đổi về các lĩnh vực hợp tác, nghiên cứu chung cấp quốc gia.

- Bộ Ngoại giao đã đề xuất, thúc đẩy các sáng kiến, nội dung hợp tác tại các khuôn khổ hợp tác đa phương về chuyển đổi số, ứng dụng khoa học công nghệ, nâng cao năng lực, kỹ năng số của người lao động, phát triển kinh tế số... Trong các cuộc tiếp xúc song phương và đa phương luôn nhấn mạnh sự quan tâm, thúc đẩy các hoạt động nhằm thu hút, tranh thủ các nguồn lực trong lĩnh vực công nghệ, kinh nghiệm, tri thức, hỗ trợ kỹ thuật, tư vấn chính sách từ việc tham gia và hợp tác trong các cơ chế, diễn đàn đa phương.

- Đề xuất và đưa sáng kiến về Ngoại giao số và Đào tạo nguồn nhân lực số trong khuôn khổ hợp tác của Quỹ Á – Âu (ASEF); tổ chức Hội nghị chuyên đề trực tuyến APEC về tăng cường hợp tác phát triển nguồn nhân lực và thúc đẩy các kỹ năng lãnh đạo mới thích ứng với kỷ nguyên số; xây dựng, đề xuất cách tiếp cận phù hợp của Việt Nam đối với sáng kiến mới của Hoa Kỳ về Khuôn khổ kinh tế Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương (IPEF), trong đó có nội hàm liên quan kinh tế số.

IV.4. Nghiên cứu, phát triển

- Bộ Khoa học và Công nghệ đang triển khai các chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp quốc gia trong đó có ứng dụng các công nghệ số mới để tạo ra những nền tảng, sản phẩm, dịch vụ mang đặc thù Việt Nam, gồm: Chương trình KC.01 “Nghiên cứu công nghệ và phát triển sản phẩm công nghệ thông tin phục vụ Chính phủ điện tử” giai đoạn 2016-2020; Chương trình “Hỗ trợ nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ của công nghiệp 4.0”, mã số KC-4.0/19-25; đang triển khai xây dựng khung Chương trình “Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ cơ khí và tự động hóa”, mã số KC 03/21-30; Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao.

- Bộ Khoa học và Công nghệ đã xây dựng nhiệm vụ “Tổ chức tìm kiếm, xây dựng chính sách hấp dẫn để chiêu mộ những chuyên gia hàng đầu về công nghệ số mới, công nghệ lõi, nền tảng số trong nước và nước ngoài về Việt Nam nghiên cứu phát triển, đầu tư kinh doanh” trong giai đoạn 2022 – 2025.

- Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng Thông tư số 67/2022/TT-BTC ngày 07/11/2022 hướng dẫn về nghĩa vụ thuế khi doanh

ng nghiệp trích lập và sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23/12/2022.

- Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư số 05/2022/TT-BKHCN ngày 31/5/2022 hướng dẫn sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.

- Việc báo cáo trích lập, điều chuyển và sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp được tổng hợp theo niên độ (với độ trễ là 01 năm) và được báo cáo về Bộ Tài chính (qua Tổng cục thuế). Theo số liệu Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế) cung cấp, trong năm 2021, số liệu về trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp là 3.368 tỷ đồng; số đã sử dụng là 3.385 tỷ đồng.

- Đã thực hiện nghiên cứu, xây dựng thí điểm các khu nghiên cứu phát triển, thử nghiệm, ươm tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo phát triển kinh tế số theo mô hình tiên tiến của thế giới; Phát triển mạng lưới các tổ chức trung gian về chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo. Cụ thể Bộ Khoa học và Công nghệ đã hỗ trợ xây dựng kế hoạch, hình thành, đưa vào hoạt động 01 Điểm kết nối cung cầu công nghệ tại Thừa Thiên Huế (ngày 18/5/2022) và hỗ trợ xây dựng kế hoạch thành lập 02 Điểm kết nối cung cầu tại 02 tỉnh Lâm Đồng, Long An. Năm 2022, Bộ đã hỗ trợ hình thành và vận hành 14 Điểm kết nối cung cầu công nghệ phân bố trên 5 vùng, 12 tỉnh thành (gồm: Hà Nội, Nghệ An, Đắk Lắk, Thừa Thiên Huế, Phú Yên, Cần Thơ, Hải Phòng, Thái Nguyên, Gia Lai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Thừa Thiên Huế, Vĩnh Long và Đại học Nguyễn Tất Thành - TP. Hồ Chí Minh); Tổ chức sự kiện Techconnect and Innovation Vietnam 2022: Sự kiện diễn ra từ ngày 07-10/12/2022 tại TP.HCM, một trong những mục tiêu lớn của sự kiện đó là trình diễn những xu hướng công nghệ mới qua đó giúp định hướng đầu tư và phát triển theo ngành và lĩnh vực. Hình thành và phát triển mạng lưới kết nối công nghệ và đổi mới sáng tạo; kết nối doanh nghiệp với thị trường, đối tác trong nước và quốc tế để giải quyết các vấn đề về kỹ thuật, công nghệ tại địa phương; kết nối các nhà đầu tư với các nhóm nghiên cứu, doanh nghiệp; kết nối Doanh nhân và Nhà đầu tư với cộng đồng doanh nghiệp đổi mới sáng tạo trong nông nghiệp trên thế giới nhằm mang lại lợi ích cho các bên.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia) đã thực hiện một số hoạt động như sau:

- + Triển khai nghiên cứu ban đầu về một số cơ chế, chính sách mới liên quan đến hỗ trợ đổi mới sáng tạo như: cơ chế gọi vốn cộng đồng (crowd-funding), thành lập và hoạt động của các trung tâm đổi mới sáng tạo, cơ chế chia sẻ phòng thí nghiệm (Lab-sharing), cơ chế đổi mới sáng tạo mở (open innovation)...

- + Tổng hợp, nghiên cứu thực tiễn quốc tế và đề xuất các chính sách cho cơ

chế gọi vốn cộng đồng khởi nghiệp tại Việt Nam.

+ Hợp tác xây dựng các chương trình hỗ trợ đổi mới sáng tạo với các đối tác nước ngoài như: Google, Amazon, Meta; Đại học Quốc gia Singapore, Đại học công nghệ Nanyang; các Quỹ đầu tư: Binance, Cypher, Greylock, Sequoia, Golden Gate Ventures.

+ Hỗ trợ thành lập Mạng lưới Đổi mới sáng tạo Việt Nam tại 02 địa bàn: Bờ Đông và Bờ Tây Hoa Kỳ tháng 5/2022. Đến 2022, Mạng lưới đã phát triển được 08 Mạng lưới thành phần với gần 1.500 thành viên. Trong năm 2022, Trung tâm cũng đã phối hợp với các Mạng lưới thành phần tổ chức nhiều hoạt động trao đổi, kết nối, tọa đàm có tính chuyên môn sâu như: Hội thảo quốc tế về Nông nghiệp thông minh 2022.

+ Phối hợp cùng Tập đoàn Google để xây dựng chương trình Google hỗ trợ cho doanh nghiệp khởi nghiệp (Google for Startups).

+ Phối hợp cùng Tập đoàn Google để xây dựng chương trình học bổng phát triển Nhân tài số đến các cơ sở giáo dục đào tạo và doanh nghiệp.

- Ngày 07/01/2021, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ký Quyết định số 12/QĐ-BKHĐT ban hành Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025. Trong quá trình triển khai Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025 nêu trên, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã lồng ghép các hoạt động để thực hiện nhiệm vụ:

+ Cổng thông tin hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số đã được xây dựng tại địa chỉ <http://digital.business.gov.vn>, là một bộ phận của Cổng thông tin Quốc gia về hỗ trợ doanh nghiệp. Công cụ đánh giá mức độ sẵn sàng chuyển đổi số, các tài liệu hướng dẫn, các hoạt động hỗ trợ của Chương trình đã được số hóa, phổ biến rộng rãi để tất cả các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, các tổ chức, cá nhân trên phạm vi cả nước đều có thể tiếp cận, sử dụng.

+ Đã phối hợp các địa phương, hiệp hội tổ chức 32 hoạt động nâng cao nhận thức, đào tạo trực tiếp cho doanh nghiệp tại 16 tỉnh, thành phố.

+ Mạng lưới với 100 tổ chức, cá nhân cung cấp giải pháp, tư vấn, đào tạo CDS cho doanh nghiệp đã được rà soát, phân loại và chuẩn hóa để có thể cung cấp những thông tin cần thiết cho doanh nghiệp khi quyết định lựa chọn.

+ Đặc biệt, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tuyển chọn những doanh nghiệp tiêu biểu trong một số ngành, lĩnh vực như sản xuất, chế biến, chế tạo, nông nghiệp... và cử các chuyên gia đến tư vấn, hỗ trợ xây dựng lộ trình chuyển đổi số và các kế hoạch cụ thể trong 3 tới 5 năm để phát triển và ứng dụng công nghệ vào trong doanh nghiệp một cách phù hợp với điều kiện và tầm nhìn của Doanh nghiệp. Tiêu biểu trong số này phải kể đến các doanh nghiệp như Công ty TNHH Thắng Lợi (Vico), Công ty cổ phần Xuân Hòa Việt Nam, Công ty Tomeco An Khang,

Trang trại Langbiang Fram, Công ty hóa chất Sơn MT.

IV.5. Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức

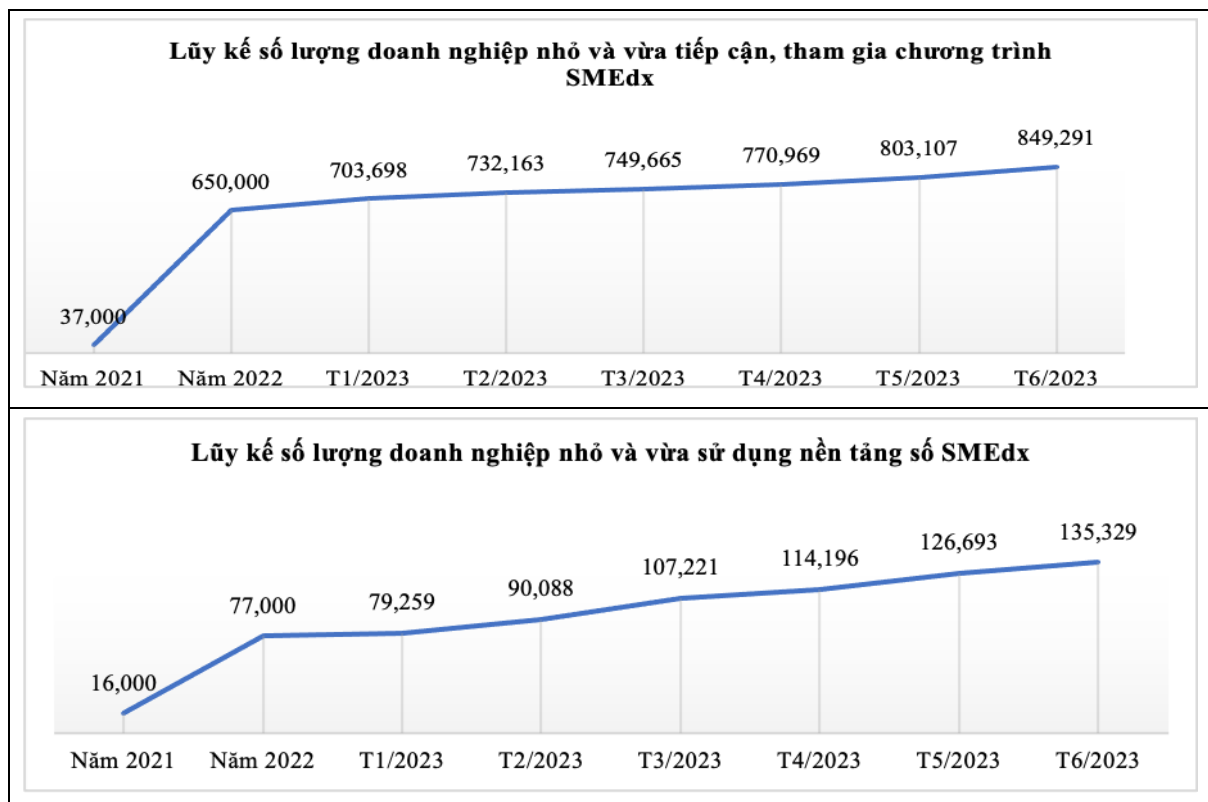
Công tác tuyên truyền về phát triển kinh tế số, xã hội số được các báo, đài từ Trung ương tới địa phương tích cực triển khai, thể hiện dưới nhiều hình thức khác nhau trên tất cả các kênh phát thanh, truyền hình quảng bá, băng rôn, khẩu hiệu và các nền tảng số. Đài Truyền hình Việt Nam xác định mũi nhọn thực hiện thông tin tuyên truyền là hệ thống các Bản tin, chương trình Thời sự, Chuyển động 24h, Việt Nam hôm nay trên kênh VTV1 và một số chuyên mục chuyên sâu như: Nông nghiệp 4.0 (VTV1); Tạp chí kinh tế cuối tuần (tiểu mục Kinh tế số) (VTV1), Dòng chảy tài chính (VTV1), Sống mới (VTV1); Công nghệ 360 (VTV2), Công nghệ kiến tạo (VTV2), Kinh tế số (VTV2).

V. Kết quả công tác chỉ đạo, điều hành trong 06 tháng đầu năm 2023

V.1. Số liệu phát triển của lĩnh vực

- Số lượt doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận, tham gia chương trình SMEdx là 849.291 doanh nghiệp, đạt 106,1% kế hoạch năm 2023.

- Số lượng các doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng chương trình SMEdx ước khoảng 135.329 doanh nghiệp, đạt 112,7% kế hoạch năm 2023.



- Ước tính sơ bộ tỷ trọng kinh tế số trong GDP trong 6 tháng đầu năm 2023 đạt khoảng 14,96%, tốc độ tăng trưởng 21% so với cùng kỳ năm 2022. Báo cáo thường niên kinh tế số e-Conomy SEA do Google và Temasek nghiên cứu công bố tốc độ tăng trưởng kinh tế số Việt Nam năm 2022 là 28%, dẫn đầu trong các quốc gia Đông Nam Á. Năm 2022 có hơn 1.400 doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam có doanh thu từ thị trường nước ngoài, tăng gần 20% so với năm 2021. Điểm

sáng mới trong 6 tháng đầu năm 2023 là Bộ Giao thông vận tải, với việc thúc đẩy triển khai chuyển đổi số cảng biển và kết nối các cảng biển nhằm nâng cao năng lực, rút ngắn thời gian phục vụ, đã bước đầu triển khai được 18/145 cảng biển trên phạm vi toàn quốc, sử dụng nền tảng số Make in Việt Nam, với chi phí chỉ bằng khoảng 10 - 20% giải pháp của nước ngoài.

- Tổng số lượng người dùng hàng tháng trên các ứng dụng di động Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2023 vượt mức 500 triệu, tăng gần 16% so với cùng kỳ năm 2022.

- Bình quân thời lượng mỗi người dùng dành để sử dụng các ứng dụng di động của Việt Nam là 64 giờ/tháng và tỷ lệ lượt người dùng sử dụng các ứng dụng có đăng ký trụ sở tại Việt Nam chiếm khoảng hơn 22% so với tổng số lượt người dùng của toàn thị trường Việt Nam.

- Đến tháng 6/2023, hiện có khoảng 60 nền tảng/ứng dụng di động phục vụ người dân của Việt Nam có trên 1 triệu người dùng sử dụng bình quân hằng tháng, trong đó:

- + Nền tảng có số lượng người dùng đông nhất đã đạt gần 75 triệu người dùng sử dụng bình quân hằng tháng, 19 ứng dụng di động có trên 5 triệu người dùng sử dụng bình quân hằng tháng; 41 ứng dụng có từ 1-5 triệu người dùng.

- + Xu hướng tiêu dùng dịch vụ số của người dân tập trung chủ yếu ở 02 nhóm nền tảng số là thanh toán số và giải trí. Trong nhóm nền tảng có trên 1 triệu người dùng sử dụng bình quân hằng tháng, có 14 nền tảng phục vụ thanh toán số (chiếm 23,33%); 14 nền tảng phục vụ giải trí (chiếm 23,33%); 07 nền tảng phục vụ mua sắm (chiếm 11,66%); các nhóm giáo dục, tin tức, trò chơi điện tử đều có 03 nền tảng lọt vào top này. Đáng chú ý nhất có 02 nền tảng dịch vụ công của cơ quan chính phủ là VNeID ước sơ bộ có 8,5 triệu người dùng sử dụng bình quân hằng tháng (tăng 05 triệu người dùng người dùng so với cùng kỳ năm 2022) và VssID có 7,5 triệu người dùng sử dụng bình quân hằng tháng.

- Zalo và Cốc cốc dẫn đầu trong nhóm này về số lượng thời gian người dùng dành ra cho việc sử dụng dịch vụ của ứng dụng này với tổng cộng gần 02 triệu giờ trong 05 tháng vừa qua, có nghĩa là mỗi tháng, một người dùng sẽ dành trên 5 tiếng để sử dụng dịch vụ của 02 nền tảng này.

- Điểm sáng mới trong 6 tháng đầu năm 2023 là nền tảng truyền hình số VTV Go với hơn 7 triệu người dùng hàng tháng, trong đó có gần 1 triệu người dùng ở nước ngoài. Từ 01/01/2023 đến 29/6/2023, VTV Go đạt 1,7 tỷ lượt xem, trung bình 280 triệu lượt xem 1 tháng.

V.2. Công tác tham mưu, đề xuất quản lý, chỉ đạo, điều hành

- Ban hành tiêu chí, quy định công nhận cá nhân, tổ chức tư vấn thuộc Mạng

lưới tư vấn viên hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số¹⁰.

- Ban hành Quyết định bộ tiêu chí nền tảng số phục vụ người dân năm 2023¹¹, nền tảng số phục vụ chuyển đổi số doanh nghiệp nhỏ và vừa¹² và khung tiêu chí và quy trình xét duyệt, công nhận, công bố và thu hồi công nhận nền tảng số quốc gia¹³.

- Triển khai các nội dung để tổ chức Diễn đàn Quốc gia phát triển Kinh tế số và Xã hội số lần thứ nhất (dự kiến ngày 17 - 18/8 tại Nam Định).

- Nghiên cứu, sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến việc cấp, quản lý chữ ký số công cộng bảo đảm tiện lợi cho tổ chức, cá nhân trong ký các giấy tờ, tài liệu khi thực hiện các dịch vụ công trực tuyến.

- Chỉ đạo khuyến khích các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chữ ký số công cộng có chính sách miễn, giảm phí chữ ký số cá nhân cho người dân tại các tỉnh Bình Dương, Thừa Thiên Huế, Quảng Ninh và Đà Nẵng khi thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

- Xây dựng Đề án phát triển kinh tế số vùng Tây Nguyên; Xây dựng cổng thông tin điện tử và CSDL kinh tế số và xã hội số.

- Đánh giá mức độ chuyển đổi số của các bộ, ngành, địa phương năm 2022 trên 02 trụ cột Kinh tế số và Xã hội số.

- Hoàn thiện Hồ sơ gia nhập Hiệp hội hạ tầng khóa công khai châu Á (APKIC).

VI. Khó khăn, vướng mắc và giải pháp

VI.1. Khó khăn, tồn tại, vướng mắc

- Khó khăn lớn nhất hiện nay đối với công tác quản lý thúc đẩy kinh tế số, xã hội số là dữ liệu phục vụ quản lý kinh tế số và xã hội số tại Việt Nam hiện nay còn rất hạn chế, nằm rải rác ở rất nhiều cơ quan, địa phương với chi phí thu thập cao, độ trễ của dữ liệu dài, khó để loại bỏ được tính trùng lặp của dữ liệu nếu không có “hồ chứa”.

- Các nền tảng số Việt Nam phục vụ nhu cầu thiết yếu như: giáo dục và học tập, chăm sóc sức khỏe chưa được thúc đẩy, hiện chưa có nền tảng số “Make in Vietnam” thống lĩnh thị trường.

- Trải nghiệm của người dùng trên Internet vẫn chủ yếu tập trung ở những thành phố lớn, các đô thị.

VI.2. Giải pháp

Phối hợp với Tổng cục Thống kê, Tổng cục Thuế để thúc đẩy việc chuẩn

¹⁰ Quyết định số 376/QĐ-BTTTT ngày 13/3/2023 của Bộ TTTT.

¹¹ Quyết định số 1068/QĐ-BTTTT ngày 16/6/2023 của Bộ TTTT.

¹² Quyết định số 1175/QĐ-BTTTT ngày 30/6/2023 của Bộ TTTT.

¹³ Quyết định số 1230/QĐ-BTTTT ngày 10/7/2023 của Bộ TTTT.

hóa dữ liệu và theo dõi xu hướng phát triển kinh tế số.

VI.3. Bài học kinh nghiệm

- Xét thấy kinh tế số phát triển với tốc độ nhanh, phạm vi ảnh hưởng rộng lớn và mức độ ảnh hưởng chưa từng có, các quốc gia trên thế giới đang rất nỗ lực trong việc thúc đẩy quản trị kinh tế số dựa trên dữ liệu, một số quốc gia đang nghiên cứu/thí điểm việc ước tính tình hình phát triển kinh tế số và xã hội số dựa trên các nguồn dữ liệu lớn. Đây có thể xem là cách tiếp cận tiên tiến, phản ánh được xu hướng phát triển kinh tế số, xã hội số mang tính kịp thời nhất hiện nay, với độ trễ của dữ liệu không quá dài, là một “kênh” số liệu để tham khảo để giúp các nhà hoạch định chính sách nắm bắt cơ hội, bởi “cơ hội là vô giá”.

- Kết quả triển khai SMEdx đã tạo niềm tin lớn hơn về việc khẳng định nền tảng số là giải pháp hỗ trợ hiệu quả để thúc đẩy phát triển kinh tế số nhanh tại Việt Nam. Công thức để thúc đẩy các nền tảng số là “Doanh nghiệp làm nền tảng, Nhà nước thúc đẩy sử dụng dựa trên thiết lập niềm tin”, thể hiện ở chỗ cơ quan nhà nước xác thực, công bố và quảng bá, từ đó doanh nghiệp nhỏ và vừa tin tưởng sử dụng; làm từ dễ đến khó, từ điểm đến diện rộng.

- Từ kết quả của VTVGo, có thể thấy văn hóa, giá trị truyền thống là là vốn quý, là cái đặc trưng, cái duy nhất của dân tộc và cần phải được sử dụng phục vụ xây dựng, phát triển nội dung trên các nền tảng số. Có như vậy mới có thể tạo nên động lực đột phá, sức mạnh cạnh tranh để có thể thống lĩnh thị trường trong nước, trước khi vươn mình ra thế giới. Phần cốt (công nghệ, kỹ thuật) của nền tảng số có thể giúp đi nhanh giai đoạn đầu, nhưng để đi xa và bền vững cần phần hồn (nội dung) đặc sắc được tạo nên từ việc kết thừa, phát triển các giá trị văn hóa, truyền thống của dân tộc.

- Công thức thúc đẩy nền tảng số quốc gia: [(Bộ chủ trì nền tảng số quốc gia) + (Bộ Thông tin và Truyền thông) + (Người sử dụng)]x(Giá trị văn hoá, truyền thống dân tộc).

VII. Nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2023

- Cấp, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, tạm đình chính, thu hồi, cấp lại các loại giấy phép trong lĩnh vực giao dịch điện tử theo quy định của pháp luật; quản lý các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan đến giao dịch điện tử.

- Tập trung làm điển hình thúc đẩy kinh tế số, xã hội số ở một số địa phương (như Hải Phòng, Lào Cai, Yên Bái, Bình Thuận, Bà Rịa – Vũng Tàu, v.v.) để rút kinh nghiệm nhân rộng.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu theo dõi sự phát triển kinh tế số, xã hội số quốc gia; xây dựng diễn đàn kết nối chuyên gia, nhà khoa học với cá nhân, tổ chức nhằm gắn kết sức mạnh tri thức để thúc đẩy phát triển kinh tế số và xã hội số.

- Tổ chức Phiên họp Chuyên đề của Ủy ban Chuyển đổi số Quốc gia về

phát triển kinh tế số.

- Tổ chức Diễn đàn quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số lần thứ nhất.
- Triển khai Chương trình thúc đẩy chuyển đổi số các doanh nghiệp lớn và các tập đoàn, tổng công ty nhà nước.
- Các bộ, ngành, địa phương tiếp tục triển khai các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm được giao tại Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2023; đẩy nhanh tiến độ, hoàn thành sớm các mục tiêu đặt ra.

Bộ Thông tin và Truyền thông kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phó Thủ tướng Trần Lưu Quang (để b/c);
- Các bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Huy Dũng;
- Sở TTTT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Lưu: VT, KTS&XHS.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Huy Dũng